

Số: 1338/2025/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 702/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N; Địa chỉ: 233 B, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy D; Địa chỉ: 164A H, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim K; Thường trú: 208 B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: 448/20E P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: 13/3A tổ 28, khu phố 2, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị R; Địa chỉ: 13A/1 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Thục A; Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh B;

Bà Nguyễn Thị Xuân M; Địa chỉ: 13A/1 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy D; Địa chỉ: 164A H, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Đinh Ngọc C; Địa chỉ: 171 đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Kim P; Địa chỉ: A10-11 Centana Thủ Thiêm, 36 M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D; Địa chỉ: A10-11 Centana Thủ Thiêm, 36 M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Hai bên thống nhất với nhau như sau:

Di sản của ông Nguyễn Kim T (chết ngày 07/5/1990) để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: 233 B, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số: 730/GCN/2009 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 16/02/2009.

Những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông Nguyễn Kim T gồm: bà Nguyễn Thị R (sinh năm 1934, vợ ông T), các con của ông T là: ông Nguyễn Kim K (sinh năm: 1953, chết ngày: 10/8/2008, ông K không có vợ, con); bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1955); bà Nguyễn Thị Xuân M (sinh năm: 1957); ông Nguyễn Kim K (sinh năm: 1967); ông Nguyễn Kim K (sinh năm: 1969); bà Nguyễn Thị Xuân N (sinh năm: 1961, chết ngày 23/5/2014, bà N có chồng là ông Đinh Ngọc C (sinh năm: 1954), không có con).

Ông Nguyễn Kim K đã ký Văn bản từ chối nhận di sản số 825 lập ngày 07/6/2021 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Fransisco, Hoa Kỳ, theo đó ông K từ chối nhận di sản do ông Nguyễn Kim T chết để lại là nhà đất tại 233 B, phường G, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Kim K, bà Nguyễn Thị Xuân M, ông Đinh Ngọc C từ chối nhận toàn bộ phần di sản thừa kế do ông Nguyễn Kim T chết để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại 233 B, phường G, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị R là người nhận thừa kế duy nhất và được nhận toàn bộ di sản của ông Nguyễn Kim T chết để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất tại 233 B, phường G, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số : 730/GCN/2009 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 16/02/2009. Bà Nguyễn Thị R được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cập nhật biến động để đứng tên sở hữu riêng đối với nhà và đất tại 233 B, phường G, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số : 730/GCN/2009 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 16/02/2009 theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị R là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà R không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 7 TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7 TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Quốc Việt